

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST
Ngày 19-5-2020
V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đức Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thơ.
2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Quang Tất – Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2020/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 về “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam.

- *Bị đơn:* Anh Lương Minh Q, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam.

(Cả chị H và anh Q đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Hoàng Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Lương Minh Q trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 27-10-2009 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng tháng 10-2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là

do cách suy nghĩ, cách sống của hai người trái ngược nhau, đời sống sinh hoạt vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng thiếu tôn trọng nhau, mất niềm tin vào nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng khô khan, tẻ nhạt. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lương Minh Q.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lương Minh Q trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như chị H đã trình bày. Từ đầu năm 2019 anh chị đã sống li thân nhau và chấm dứt quan hệ vợ chồng cho đến nay không còn quan tâm đến tình cảm, cuộc sống của nhau nữa. Nay chị H xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh với chị H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy anh hoàn toàn nhất trí ly hôn với chị H.

Về con chung: Chị H và anh Q thống nhất xác định vợ chồng anh chị có hai con chung tên là Lương Thị A, sinh ngày 11-8-2010 và Lương Thị Y, sinh ngày 04-12-2018, hiện nay cả hai cháu đều đang ở với chị H. Anh chị cùng thống nhất quan điểm khi ly hôn sẽ giao cả hai cháu A và Y cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Q có nghĩa vụ góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H mỗi cháu là 1.500.000 đồng/1 tháng, kể từ khi ly hôn đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về con riêng: Chị H và anh Q thống nhất xác định vợ chồng không ai có con riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp: Chị H, anh Q thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng là chị H và anh Q đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị H và anh Lương Minh Q. Về con chung: Giao hai cháu Lương Thị A, sinh ngày 11-8-2010 và Lương Thị Y, sinh ngày 04-12-2018 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được; anh Q phải cấp dưỡng

nuôi con chung là 3.000.000 đồng/1 tháng. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn là chị Hoàng Thị H và bị đơn là anh Lương Minh Q đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị H và anh Lương Minh Q là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 27-10-2009 tại UBND xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến khoảng tháng 10-2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách hai người không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng và trong sinh hoạt hàng ngày, vợ chồng sống không tin tưởng nhau, không có tình cảm nên đời sống vợ chồng luôn tẻ nhạt, khô khan. Từ đầu năm 2019 anh chị sống li thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến tình cảm, cuộc sống của nhau nữa. Nay cả chị H và anh Q đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và cùng có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa chị H và anh Q thực sự đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh Q là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Chị H và anh Q có hai con chung tên là Lương Thị A, sinh ngày 11-8-2010 và Lương Thị Y, sinh ngày 04-12-2018, hiện nay cả hai cháu đều đang ở với chị H. Anh chị cùng thống nhất quan điểm khi ly hôn sẽ giao cả hai cháu A và Y cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Q có nghĩa vụ góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H mỗi cháu là 1.500.000 đồng/1 tháng, kể từ khi ly hôn đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy quan điểm thống nhất này của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về con riêng; tài sản chung; tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp*: Chị H và anh Q cùng thống nhất xác định vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị H và anh Q thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 50% án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Q phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị H và anh Lương Minh Q.

2. Về con chung: Giao cháu Lương Thị A, sinh ngày 11-8-2010 và cháu Lương Thị Y, sinh ngày 04-12-2018 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Q có nghĩa vụ góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu A và cháu Y cho chị H mỗi cháu là 1.500.000 đồng/1 tháng, kể từ khi ly hôn đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được.

Chị H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

3. Án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm:

+ Chị Hoàng Thị H phải chịu 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004181 ngày 03-3-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng. (Chị H đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm). Hoàn trả lại cho chị H số tiền 150.000 đồng.

+ Anh Lương Minh Q phải chịu 150.000 đồng.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Lương Minh Q phải chịu 300.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong các khoản tiền, thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS H. Kim Bảng;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thọ

